

Bản án số: 302/2023/HS-ST
Ngày: 28-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Chung

Bà Nguyễn Phương Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Soan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 276/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Minh T, sinh năm 1997 tại: Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; nơi đăng ký thường trú: Số 34 T, phường T, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 31 H, phường N, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; số căn cước công dân: 036097011336; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Bùi Thị L; có vợ Vũ Phương L và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12-6-2023 đến ngày 21-6-2023. Ngày 18-7-2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Dương Thị H, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Số 7/43 Nguyễn T, phường L, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

- Bà Bùi Thị Kim D, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Số 4 T, phường T, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

- Anh Lê Vũ Tiến C, sinh 1985; Nơi cư trú: Số 184 đường P, phường P, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số 30/4/189 đường 1, phường T, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh T không có việc làm ổn định nên nảy sinh ý định cho vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Khi khách đến vay tiền lần đầu, sau khi thống nhất được số tiền vay thì T đưa cho khách 01 “Giấy vay tiền” in sẵn để khách điền tên, địa chỉ và số tiền vay, không thể hiện lãi suất. Sau khi giao tiền, T lấy ngay tiền lãi rồi dùng số tài khoản 6660156733333 Ngân hàng Q hoặc số tài khoản 0831000034439 Ngân hàng thương mại cổ phần N mang tên Trần Minh T để chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt cho khách vay. Khi khách đến vay lần thứ 02 thì T không yêu cầu khách phải viết giấy vay tiền. T cho khách vay tiền không cần phải thế chấp tài sản. Khách đóng tiền lãi có thể đến nhà T đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản thanh toán đến 02 tài khoản trên.

Thông qua các mạng xã hội T mua “Phần mềm quản lý cầm đồ MeCash” của Công ty “Tima” để quản lý thông tin khách hàng, số tiền vay, ngày vay, lãi suất vay, số tiền được hưởng từ khoản vay. Sau khi mua “Phần mềm quản lý cầm đồ MeCash”, T được cấp 02 tài khoản để sử dụng gồm: Tài khoản “Dung97”, mật khẩu: hangthao97 và tài khoản “Tuanhung88”, mật khẩu: 12345679.

Ngày 12-6-2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an đã triệu tập Trần Minh T đến để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Minh T tại số nhà 31 H, phường N, thành phố Nam Định, thu giữ: 01 máy điện thoại di động Iphone 13 Pro Max, model A2643, IMEI 353287212176388, gắn 01 thẻ sim có in số 89840200011134394814; 01 case máy tính để bàn, bên trong gắn 02 ổ cứng; 01 căn cước công dân số

036097011336 mang tên Trần Minh T; 01 giấy phép lái xe số 310181046242 mang tên Trần Huy Mạnh; 01 thẻ VPBank số 419834996403 mang tên Trần Minh Tuan; 01 thẻ MB số ID 52062937 mang tên Trần Minh Tuan; 01 thẻ Vietcombank số 9704366811851438016 mang tên Trần Minh Tuan.

Ngày 19-6-2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự. Ngày 23-6-2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an đã chuyển hồ sơ cùng vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định thụ lý điều tra. Sau khi tiếp nhận hồ sơ vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã điều tra xác minh T đã cho vay với lãi suất từ 4.000 đồng đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày vượt quá 5 lần lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

* Trường hợp thứ nhất:

Trong khoảng thời gian từ tháng 11-2021 đến tháng 5-2023 tại thành phố Nam Định, bà Dương Thị H, sinh năm 1963, trú tại số 7/43 đường N, phường L, thành phố Nam Định vay của T 19 lần với tổng số tiền là: 1.925.000.000 đồng bằng hình thức “Vay họ” 50 ngày/tỷ lệ 10 lấy 8 tương đương 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (lãi vay tương đương 146%/01 năm):

- Lần 1: Ngày 08-11-2021, bà H vay của T số tiền 20.000.000 đồng. T đã cắt ngay 4.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 2: Ngày 03-12-2021, bà H vay của T số tiền 20.000.000 đồng. T đã cắt ngay 4.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 3: Ngày 10-12-2021, bà H vay của T số tiền 20.000.000 đồng. T đã cắt ngay 4.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 4: Ngày 03-01-2022, bà H vay của T số tiền 20.000.000 đồng. T đã cắt ngay 4.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 5: Ngày 07-01-2022, bà H vay của T số tiền 30.000.000 đồng. T đã cắt ngay 6.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 6: Ngày 06-02-2022, bà H vay của T số tiền 40.000.000 đồng. T đã cắt ngay 8.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 7: Ngày 09-3-2022, bà H vay của T số tiền 100.000.000 đồng. T đã cắt ngay 20.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 8: Ngày 14-5-2022, bà H vay của T số tiền 125.000.000 đồng. T đã cắt ngay 25.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 9: Ngày 15-6-2022, bà H vay của T số tiền 150.000.000 đồng. T đã cắt ngay 30.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 10: Ngày 21-7-2022, bà H vay của T số tiền 150.000.000 đồng. T đã cắt ngay 30.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 11: Ngày 15-8-2022, bà H vay của T số tiền 150.000.000 đồng. T đã cắt ngay 30.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 12: Ngày 21-9-2022, bà H vay của T số tiền 200.000.000 đồng. T đã cắt ngay 40.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 13: Ngày 17-10-2022, bà H vay của T số tiền 200.000.000 đồng. T đã cắt ngay 40.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 14: Ngày 15-11-2022, bà H vay của T số tiền 200.000.000 đồng. T đã cắt ngay 40.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 15: Ngày 17-01-2023, bà H vay của T số tiền 100.000.000 đồng. T đã cắt ngay 20.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 16: Ngày 23-3-2023, bà H vay của T số tiền 100.000.000 đồng. T đã cắt ngay 20.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 17: Ngày 17-4-2023, bà H vay của T số tiền 100.000.000 đồng. T đã cắt ngay 20.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 18: Ngày 30-4-2023, bà H vay của tôi số tiền 100.000.000 đồng. T đã cắt ngay 20.000.000 đồng tiền lãi.

- Lần 19: Ngày 29-5-2023, bà H vay của T số tiền 100.000.000 đồng. T đã cắt ngay 20.000.000 đồng tiền lãi.

Bà H đã trả xong nợ gốc 18 lần, còn nợ T 80.000.000 đồng tiền gốc của lần vay thứ 19. Tổng số tiền lãi T đã thu của bà H là 385.000.000 triệu đồng. Theo quy định của pháp luật, số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\% \times 1.925.000.000 \text{ đồng} : 365 \text{ ngày} \times 50 \text{ ngày} = 52.739.726 \text{ đồng}$. Số tiền T đã thu lợi bất hợp pháp là 332.260.274 đồng.

* Trường hợp thứ 2:

Ngày 28-5-2022, tại nhà của T ở số 34 T, phường T, thành phố Nam Định, bà Bùi Thị Kim D, sinh năm 1975, trú tại số 4 đường T, phường T, thành phố Nam Định vay của T số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương 182,5%/01 năm), cứ định kỳ 01 tháng

(quy định là 30 ngày) đóng lãi một lần. Bà D đã trả cho T 50 ngày tiền lãi là 2.500.000 đồng. Đến nay, bà D đã trả hết số tiền gốc và lãi cho T.

Theo quy định của pháp luật số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\% \times 10.000.000đ : 365 \text{ ngày} \times 50 \text{ ngày} = 273.973 \text{ đồng}$. Số tiền T đã thu lợi bất hợp pháp là 2.226.027 đồng.

*** Trường hợp thứ 3:**

Ngày 23-3-2023, tại nhà của T ở số 34 T, phường T, thành phố Nam Định, anh Lê Vũ Tiến C, sinh năm 1985, trú tại số 184 đường P, phường P, thành phố Nam Định vay của T số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tương đương 182,5%/01 năm*), cứ định kỳ 01 tháng (quy định là 30 ngày) đóng lãi một lần. Anh C đã trả cho T 10 ngày tiền lãi = 500.000 đồng. Đến nay, anh C đã trả hết số tiền gốc và lãi cho T. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\% \times 10.000.000đ : 365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 54.794 \text{ đồng}$. Số tiền T đã thu lợi bất hợp pháp là 445.206 đồng.

*** Trường hợp thứ 4:**

- Lần 1: Ngày 30-12-2022, tại nhà của T ở số 31 H, phường N, thành phố Nam Định, chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1981, trú tại số 30/4/189 đường 1, phường T, thành phố Nam Định vay của T số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tương đương 182,5%/01 năm*), cứ định kỳ 01 tháng (quy định là 30 ngày) đóng lãi một lần. Chị C đã trả cho T 06 tháng tiền lãi (180 ngày) là 4.500.000 đồng. Đến nay, chị C chưa trả số tiền gốc cho T.

Theo quy định của pháp luật số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\% \times 5.000.000 \text{ đồng} : 365 \text{ ngày} \times 180 \text{ ngày} = 493.150 \text{ đồng}$. Số tiền T đã thu lợi bất hợp pháp là 4.006.850 đồng.

- Lần 2: Ngày 04-6-2023, tại nhà của T ở số 31 H, phường N, thành phố Nam Định. Chị C vay của T số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tương đương 182,5%/01 năm*), cứ định kỳ 01 tháng (quy định là 30 ngày) đóng lãi một lần. Chị C đã trả cho T 01 tháng tiền lãi (30 ngày) = 750.000 đồng. Đến nay, chị C chưa trả số tiền gốc cho T.

Theo quy định của pháp luật số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\% \times 5.000.000 \text{ đồng} : 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 82.192 \text{ đồng}$. Số tiền T đã thu lợi bất hợp pháp là 667.808 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất hợp pháp của cả 02 lần cho chị C vay là: 4.006.850 đồng + 667.808 đồng = 4.674.658 đồng.

Tổng cộng, Trần Minh T đã cho 04 người là bà Dương Thị H, bà Bùi Thị Kim D, anh Lê Vũ Tiến C và chị Nguyễn Thị Kim C vay tổng số tiền là 1.955.000.000.000 đồng, thời hạn đều là 50 ngày, với mức lãi suất từ 146% đến 182,5%/năm, đã thu được của 04 người vay tổng số tiền lãi là 393.250.000 đồng. Trong đó tổng số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chỉ được thu của 04 người là 53.643.835 đồng. Như vậy tổng số tiền mà Trần Minh T thu lợi bất chính là 339.606.165 đồng.

Ngày 13-7-2023, Cơ quan điều tra đã trưng cầu Viện Khoa học hình sự Bộ Công an giám định dữ liệu điện tử và kỹ thuật số, nội dung yêu cầu: Phục hồi dữ liệu liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Trần Minh T ở 02 tài khoản “dung97” và “Tuanhung88” tại “*Phần mềm quản lý cầm đồ MeCash*”.

Bản kết luận giám định số: 5253 ngày 19-9-2023 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- Không khôi phục được dữ liệu theo yêu cầu giám định lưu trữ trong máy điện thoại (Ký hiệu A1).
- Không khôi phục được dữ liệu theo yêu cầu giám định lưu trữ trong 02 (Hai) ổ cứng (Ký hiệu A2.1 và A2.2) của Case máy vi tính mẫu cần giám định.

Cơ quan điều tra đã thu thập thông tin những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại (là những người vay tiền) theo lời khai của T, tài liệu T tự in và giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an. Tất cả những người trên đều vắng mặt tại địa phương, nơi cư trú, chính quyền địa phương không biết được đang làm gì, ở đâu.

Tại Cơ quan điều tra, bà Dương Thị H, bà Bùi Thị Kim D, anh Lê Vũ Tiến C, chị Nguyễn Thị Kim C đã khai nhận hành vi vay tiền của Trần Minh T.

Trần Minh T khai nhận sử dụng số tiền quay vòng khoảng 200.000.000 đồng để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Ngoài ra, khoảng đầu năm 2020 T còn vay tiền của anh Vũ Mạnh H, sinh năm 1988, trú tại số 17/360 đường N, phường T, thành phố Nam Định và Kiều Mạnh D, sinh năm 1997, trú tại số 115 đường H, phường T, thành phố Nam Định mỗi người

300.000.000 đồng. T thống nhất với anh H và D tìm khách cho vay với lãi suất 1.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Nếu vượt quá mức lãi suất trên thì T phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Sau khi giao tiền cho T do mâu thuẫn trong công việc nên anh D, anh H và T dừng làm chung, T đã trả lại anh H và anh D số tiền đã vay. T khẳng định anh H và anh D không liên quan, không biết đến hành vi cho vay lãi nặng của T.

Đối với tài khoản “dung97” đăng ký ngày 14-3-2020, hết hạn sử dụng ngày 02-10-2024, tài khoản “Tuanhung88” đăng ký ngày 21-8-2019, hết hạn sử dụng ngày 13-3-2025, số điện thoại liên hệ 0943.226.886. Thời điểm T đăng ký tài khoản **dung97** và tài khoản **Tuanhung88** thì T mượn máy điện thoại lắp số 0943.226.886 của bạn là anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1985, trú tại số 211 đường H, phường V, thành phố Nam Định trong các lần cả hai đi đá bóng hoặc uống cafe cùng nhau. Anh Đ không biết T mượn máy để đăng ký 02 tài khoản **dung97** và tài khoản **Tuanhung88** để thực hiện hành vi phạm tội. Đồng thời T tự nguyện giao nộp 02 tập tài liệu sao kê tài khoản, giấy xác nhận sao kê tài khoản của Số tài khoản 6660156733333 Ngân hàng Q và Số tài khoản 0831000034439 Ngân hàng thương mại cổ phần N; 01 bảng kê toàn bộ các khoản vay của bà H và số tiền 3.037.000 đồng là số tiền sử dụng trong hoạt động cho vay lãi nặng còn lại trong 02 tài khoản nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Dương Thị H, chị Nguyễn Thị Kim C yêu cầu Trần Minh T hoàn trả lại số tiền T đã thu lợi bất hợp pháp của bà H và chị C. Trần Minh T chưa có khả năng trả lại tiền cho bà H và chị C và chưa nộp lại số tiền cho vay, số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự đã thu của 04 người trên. Đối với số tiền gốc còn nợ theo quy định của pháp luật mà bà H (80.000.000 đồng), chị C (10.000.000 đồng) còn phải trả cho T, cơ quan điều tra đã yêu cầu giao nộp nhưng chưa có ai giao nộp.

Bản cáo trạng số 295/CT-VKS-TPND ngày 02-11-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Trần Minh T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh T đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Trần Minh T tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ

yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Với tổng số tiền thu lợi bất chính là 339.606.165 đồng. Do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Minh T từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách gấp đôi tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Bị cáo có thời gian tạm giữ từ ngày 12-6-2023 đến ngày 21-6-2023.

- Phạt tiền đối với bị cáo Trần Minh T từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

- Truy thu số tiền gốc 340.000.000 đồng mà bị cáo Trần Minh T đã thu lại được để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu số tiền lãi theo quy định của pháp luật, bị cáo Trần Minh T đã chiếm hưởng 53.634.835 đồng.

- Truy thu số tiền nợ gốc đối với bà Dương Thị H là 80.000.000 đồng, đối với chị Nguyễn Thị Kim C là 10.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Trần Minh T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm theo quy định của khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015) cho bà Dương Thị H là 332.260.274 đồng, cho chị Nguyễn Thị Kim C là 4.674.658 đồng.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động Iphone 13 Promax, model: A2643, IMEL: 353287212176388; tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ sim có in số: 89840200011134394814.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ MB số: ID 52062937 mang tên Tran Minh Tuan, trong thẻ không có tiền (đã được niêm phong trong túi niêm phong mã số: NS4A 196312).

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ Vietcombank số: 9704366811851438016 mang tên Tran Minh Tuan, trong thẻ không có tiền (đã được niêm phong trong túi niêm phong mã số: NS4A 196315).

- Trả lại cho bị cáo Trần Minh T 01 (một) case máy tính để bàn, bên trong có: 01 ổ cứng nhãn hiệu Kingspec, dung lượng 128GB, có số S/N: 0004744008968 và 01 ổ cứng nhãn hiệu Western Digital, dung lượng 01TB, có số S/N: WCC4J90MIS82 nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Trần Minh T 01 (một) căn cước công dân số: 036097011336 mang tên Trần Minh T (đã được niêm phong trong túi niêm phong mã số: NS4A 196310) và 01 (một) thẻ VPEnd số: 419834996403 4123 mang tên Tran Minh Tuan, trong thẻ không có tiền (đã được niêm phong trong túi niêm phong mã số: NS4A 196311)

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 53.589.040 đồng, bị cáo đã khắc phục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 3.037.000 đồng được chuyển khoản, ủy nhiệm chi số 31 ngày 08 tháng 11 năm 2023 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

- Buộc bị cáo Trần Minh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Minh T nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Minh T tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ khác như: Lời khai của những

người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; biên bản đối chất; biên bản thu giữ vật chứng; bản sao kê các tài khoản ngân hàng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ ngày 08-11-2021 đến ngày 04-6-2023, tại thành phố Nam Định, Trần Minh T đã có hành vi cho 04 người là bà Dương Thị H, bà Bùi Thị Kim D, anh Lê Vũ Tiến C, chị Nguyễn Thị Kim C vay 1.955.000.000 đồng với mức lãi suất từ 146%/năm đến 182,5%/năm (gấp 7,3 lần đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) và thu lợi bất chính 339.606.165 đồng.

Hành vi của bị cáo Trần Minh T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện, lãi suất bị cáo cho vay là từ 146%/năm đến 182,5%/năm, đã vượt quá 5 lần của mức lãi suất cao nhất 20% quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Số tiền lãi bị cáo thu lợi bất chính là 339.606.165 đồng nên bị cáo Trần Minh T đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Trần Minh T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, một mình phải nuôi bố mẹ đẻ và hai con nhỏ; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả là số tiền lãi theo quy định của pháp luật mà bị cáo đã chiếm hưởng của bà Dương Thị H, bà Bùi Thị Kim D, anh Lê Vũ Tiến C và chị Nguyễn Thị Kim C là 53.589.040 đồng nên bị cáo Trần Minh T sẽ được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Minh T cho bà Dương Thị H vay lãi nặng 19 lần trong đó có 06 lần thu lời bất chính đều trên 30.000.000 đồng vì vậy bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Minh T là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đối với tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Nam Định nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Mặc dù bị cáo bị áp

dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội từ 02 lần trở lên” tuy nhiên những lần phạm tội này đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ chỉ phạt bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố.

Xét thấy bị cáo Trần Minh T có nhân thân tốt và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương nên Hội đồng xét xử thấy rằng có thể cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định của Điều 65 Bộ luật Hình sự, đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục theo quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy bị cáo Trần Minh T phạm tội nhằm mục đích thu lời bất chính nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone 13 Promax, model: A2643, IMEL: 353287212176388 là công cụ, phương tiện dùng để phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; 01 (một) thẻ sim có in số: 09840200011134394814 là công cụ phương tiện bị cáo phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 3.037.000 đồng thu được trong hai tài khoản của bị cáo được chuyển khoản, ủy nhiệm chi số 31 ngày 08 tháng 11 năm 2023 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) thẻ MB số: ID 52062937 mang tên Tran Minh Tuan, trong thẻ không có tiền (đã được niêm phong trong túi niêm phong mã số: NS4A 196312) bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy đồng thời yêu cầu Ngân hàng Thương mại cổ phần Q chấm dứt dịch vụ đối với tài khoản số ID 52062937 mang tên Tran Minh Tuan.

- 01 (một) thẻ Vietcombank số: 9704366811851438016 mang tên Tran Minh Tuan, trong thẻ không có tiền (đã được niêm phong trong túi niêm phong mã số: NS4A 196315) bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy đồng thời yêu cầu Ngân hàng N chấm dứt dịch vụ đối với tài khoản số: 9704366811851438016 mang tên Tran Minh Tuan.

- 01 (một) case máy tính để bàn, bên trong có: 01 ổ cứng nhãn hiệu Kingspec, dung lượng 128GB, có số S/N: 0004744008968 và 01 ổ cứng nhãn hiệu Western Digital, dung lượng 01TB, có số S/N: WCC4J90MIS82, không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) căn cước công dân số: 036097011336 mang tên Trần Minh T (đã được niêm phong trong túi niêm phong mã số: NS4A 196310) và 01 (một) thẻ VBBank số: 419834996403 4123 mang tên Tran Minh Tuan, trong thẻ không có tiền (đã được niêm phong trong túi niêm phong mã số: NS4A 196311) xét không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo Trần Minh T.

- Số tiền lãi theo mức cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm mà bị cáo đã thu được là 53.634.835 đồng, bị cáo đã tự nguyện khắc phục số tiền 53.589.040 đồng ngày 09-11-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên sẽ bị tịch thu sung ngân sách Nhà nước, số tiền 54.795 đồng còn thiếu sẽ tiếp tục truy thu của bị cáo.

- Các số tiền nợ gốc mà bà Dương Thị H, chị Nguyễn Thị Kim C chưa trả cho Trần Minh T đều sẽ truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Truy thu đối với bà Dương Thị H là 80.000.000 đồng, truy thu đối với chị Nguyễn Thị Kim C là 10.000.000 đồng.

- Các số tiền cho vay mà bị cáo Trần Minh T đã thu được tính theo số tiền vốn thực tế mà bị cáo đã cho vay, trừ đi số nợ gốc mà người vay chưa trả đều sẽ truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

Số tiền cho bà Dương Thị H vay từ ngày 08-11-2021 đến ngày 29-5-2023, tổng cộng 19 lần, thời hạn vay đều là 50 ngày, tổng số tiền gốc Trần Minh T cho bà H vay được xác định như sau: Ngày 08-11-2021, ngày 03-12-2021, ngày 10-12-2021, T cho bà H vay mỗi lần 20.000.000 đồng, tổng cộng là 60.000.000 đồng tiền gốc. Ngày 03-01-2022 T cho bà H vay 20.000.000 đồng, đồng thời tại thời điểm này bà H đã trả xong số tiền gốc của lần vay thứ nhất là 20.000.000 đồng, như vậy tiền gốc của T vẫn là 60.000.000 đồng. Ngày 07-01-2022 T cho bà H vay 30.000.000 đồng, lần vay này bà H chưa phải trả tiền gốc của lần vay trước nên tiền gốc T bù thêm là 30.000.000 đồng. Ngày 06-02-2022, T cho bà H vay 40.000.000 đồng, đồng thời tại thời điểm này bà H đã trả xong số tiền gốc của lần vay thứ 2 và thứ 3 là 40.000.000 đồng, tiền gốc T chưa phải bù thêm. Ngày 09-3-2022 T cho bà H vay 100.000.000 đồng, đồng thời tại thời điểm này bà H đã trả xong số tiền gốc

của lần vay thứ 4 và thứ 5 là 50.000.000 đồng, số tiền gốc T phải bỏ thêm là 50.000.000 đồng. Ngày 14-5-2022 T cho bà H vay 125.000.000 đồng, đồng thời tại thời điểm này bà H đã trả xong số tiền gốc của lần vay thứ 6 là 40.000.000 đồng, số tiền gốc T phải bù thêm là 85.000.000 đồng. Ngày 15-6-2022, T cho bà H vay 150.000.000 đồng, đồng thời tại thời điểm này bà H đã trả xong số tiền gốc của lần vay thứ 7 là 100.000.000 đồng, số tiền gốc T phải bù thêm là 50.000.000 đồng. Ngày 21-7-2022 T cho bà H vay 150.000.000 đồng, đồng thời tại thời điểm này bà H đã trả xong số tiền gốc của lần vay thứ 8 là 125.000.000 đồng, số tiền gốc T phải bù thêm là 25.000.000 đồng. Ngày 15-8-2022, T cho bà H vay 150.000.000 đồng, đồng thời tại thời điểm này bà H đã trả xong số tiền gốc của lần vay thứ 9 là 150.000.000 đồng, lần vay này tiền gốc T không phải bù thêm. Ngày 21-9-2022, T cho bà H vay 200.000.000 đồng, đồng thời tại thời điểm này bà H đã trả xong số tiền gốc của lần vay thứ 10 là 150.000.000 đồng, số tiền gốc T phải bù thêm là 50.000.000 đồng. Ngày 17-10-2022, T cho bà H vay 200.000.000 đồng, đồng thời tại thời điểm này bà H đã trả xong số tiền gốc của lần vay thứ 11 là 150.000.000 đồng, số tiền gốc T phải bù thêm là 50.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc tính đến ngày 17-10-2022 T đã cho bà H vay là 400.000.000 đồng. Những lần vay tiếp theo ngày 15-11-2022, ngày 17-01-2023, ngày 23-3-2023, ngày 17-4-2023, ngày 30-4-2023 và ngày 29-5-2023, số tiền bà H vay và trả cho T đều không vượt quá số tiền gốc 400.000.000 đồng T đã bỏ ra tính đến ngày 17-10-2022 khi cho bà H vay, vì vậy xác định số tiền gốc T dùng để cho bà H vay là 400.000.000 đồng.

Số tiền cho bà Bùi Thị Kim D vay là 10.000.000 đồng.

Số tiền cho anh Lê Vũ Tiến Cường vay 10.000.000 đồng.

Số tiền cho chị Nguyễn Thị Kim C vay là 5.000.000 đồng + 5.000.000 đồng = 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền gốc Trần Minh T sẽ truy thu là 430.000.000 đồng nhưng được trừ đi số tiền gốc đã truy thu của bà Dương Thị H là 80.000.000 đồng, của chị Nguyễn Thị Kim C là 10.000.000 đồng và số tiền 3.037.000 đồng còn lại thu giữ trong hai tài khoản của T. Cụ thể: 430.000.000 đồng - 80.000.000 đồng - 10.000.000 đồng - 3.027.000 đồng = 336.963.000 đồng.

[7] Về nghĩa vụ dân sự:

Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 mà bị cáo Trần Minh T đã thu của bà Dương Thị H là 332.260.274 đồng, của bà Bùi Thị Kim D là 2.226.027 đồng, của anh Lê Vũ

Tiền Cường là 445.206 đồng, của chị Nguyễn Thị Kim C là 4.674.658 đồng. Bà H và chị C có yêu cầu bị cáo phải trả lại, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ buộc bị cáo phải trả lại số tiền bị cáo đã thu của bà H và chị C .

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với Vũ Mạnh H và Kiều Mạnh D, hành vi không cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với hành vi Trần Minh T cho những người khác vay tiền, Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với Nguyễn Minh Đ là người cho T mượn điện thoại nhưng không biết mục đích của T dùng để đăng ký hai tài khoản nêu trên, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

01 (một) giấy phép lái xe số 310181046242 mang tên Trần Huy M, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Trần Huy M, sinh năm 1993, trú tại D3P5 tập thể Đ, phường N, thành phố Nam Định.

[9] Về án phí:

Bị cáo Trần Minh T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm (tương ứng với số tiền phải trả cho bà Dương Thị H và chị Nguyễn Thị Kim C theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28-11-2023. Bị cáo có thời gian bị tạm giữ từ ngày 12-6-2023 đến ngày 21-6-2023.

Giao bị cáo Trần Minh T cho Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Minh T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Minh T phải chấp hành hình phạt 01 (một) năm tù đã cho hưởng án treo.

Phạt tiền bị cáo Trần Minh T 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2. Xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự.
- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu 01 (một) điện thoại di động Iphone 13 Promax, model: A2643, IMEL: 353287212176388 để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ sim có in số 89840200011134394814 (máy điện thoại và thẻ sim được đựng trong phong bì dán kín tại mép phong bì có chữ ký của những người tham gia giao nhận và dấu tròn của Viện khoa học hình sự - Bộ công an niêm phong số 5253/KL-KTHS).

Tịch thu số tiền 3.037.000 đồng (ba triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng) được chuyển khoản, ủy nhiệm chi số 31 ngày 08 tháng 11 năm 2023 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ MB số: ID 52062937 mang tên Tran Minh Tuan, trong thẻ không có tiền (đã được niêm phong trong túi niêm phong mã số: NS4A 196312). Yêu cầu Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội chấm dứt dịch vụ đối với tài khoản số ID 52062937 mang tên Tran Minh Tuan.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ Vietcombank số: 9704366811851438016 mang tên Tran Minh Tuan, trong thẻ không có tiền (đã được niêm phong trong túi niêm phong mã số: NS4A 196315). Yêu cầu Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chấm dứt dịch vụ đối với tài khoản số: 9704366811851438016 mang tên Tran Minh Tuan.

Trả lại cho bị cáo Trần Minh T 01 (một) case máy tính để bàn, bên trong có: 01 ổ cứng nhãn hiệu Kingspec, dung lượng 128GB, có số S/N: 0004744008968 và 01 ổ cứng nhãn hiệu Western Digital, dung lượng 01TB, có số S/N: WCC4J90MIS82 nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Trần Minh T 01 (một) căn cước công dân số: 036097011336 mang tên Trần Minh T (đã được niêm phong trong túi niêm phong mã số: NS4A 196310) và 01 (một) thẻ VBBank số: 419834996403

4123 mang tên Tran Minh Tuan, trong thẻ không có tiền (đã được niêm phong trong túi niêm phong mã số: NS4A 196311).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số: 56/YCN/2024, ngày 13 tháng 11 năm 2023).

Tịch thu số tiền 53.589.040 đồng (năm mươi ba triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi đồng) bị cáo đã nộp tại biên lai số 0001277, ngày 09-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu số tiền bị cáo Trần Minh T dùng để cho vay là 336.963.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu số tiền lãi (theo mức cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm) mà bị cáo Trần Minh T đã thu được là 54.795 đồng (năm mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu đối với bà Dương Thị H số tiền nợ gốc chưa trả là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu đối với chị Nguyễn Thị Kim C số tiền nợ gốc chưa trả là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Nghĩa vụ dân sự:

Căn cứ Điều 123, Điều 130; Điều 131; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Trần Minh T trả lại cho bà Dương Thị H số tiền 332.260.274 đồng (ba trăm ba mươi hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng).

Buộc bị cáo Trần Minh T trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim C số tiền 4.674.658 đồng (bốn triệu sáu trăm bảy mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí:

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Minh T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Minh T phải nộp án phí dân sự tương ứng với số tiền phải trả cho bà Dương Thị H là 16.613.000 đồng (mười sáu triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng) (đã làm tròn).

Bị cáo Trần Minh T phải nộp án phí dân sự tương ứng với số tiền phải trả cho chị Nguyễn Thị Kim C là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Trần Minh T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị H, bà Bùi Thị Kim D, anh Lê Vũ Tiến C, chị Nguyễn Thị Kim C (vắng mặt) có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo Trần Minh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị H, chị Nguyễn Thị Kim C có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Du;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Trường